

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày 08/4/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cảnh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chinh và ông Lê Đăng Huân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2023/TLST-HS ngày 06/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

- Họ và tên: Hoàng T – sinh năm 1988, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: thôn E – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Hoàng Quốc Q (đã chết) và bà Hồ Thị C – sinh năm 1955, hiện sống tại thôn E – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk; Vợ: Lê Thị Thanh S – sinh năm 1990, hiện đang sống và buôn bán tại thôn E – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk; Con: 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ khi bị khởi tố, hiện đang tại ngoại. Bị cáo có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Thanh S – sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn E – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1982.

Địa chỉ: thôn E – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Ông Đỗ Ngọc Th – sinh năm 1982.

Địa chỉ: 09 – TĐT – tổ dân phố 1 – thị trấn K – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

4. Ông Mai X – sinh năm 1967.

Địa chỉ: thôn T – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn Ph – sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn Đ – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

6. Ông Đỗ Hải Th – sinh năm 1975.

Địa chỉ: thôn H – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

7. Bà Lương Thị Mỹ T – sinh năm 1965.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hoàng T đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 6001632683, ngành nghề sản xuất cà phê bột. Từ khoảng tháng 12/2018, T bắt đầu hoạt động sản xuất cà phê bột tại thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trước và trong quá trình sản xuất, T đã tiến hành kiểm nghiệm, lập hồ sơ tự công bố sản phẩm đối với hai loại cà phê bột là: Cà phê Đại Ngàn trộn sẵn cao cấp thượng hạng và cà phê Đại Ngàn đặc biệt đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia với các chỉ tiêu chủ yếu là caffeine $\geq 1\%$, độ ẩm $\leq 5\%$ và các chỉ tiêu phụ khác; đặt in bao bì với các chỉ tiêu caffeine $\geq 1\%$, độ ẩm $\leq 5\%$.

Quá trình sản xuất, T là người trực tiếp thực hiện và thuê nhân công phụ giúp. Khu vực sản xuất cà phê có diện tích khoảng $100m^2$, các phương tiện gồm: 01 máy rang xay cà phê, 01 máy trộn, 02 máy tằm ướp, 04 thùng ủ cà phê bột, 03 thùng ủ cà phê hạt, 01 máy đóng gói, 01 khay đựng cà phê. Nguyên liệu dùng để làm cà phê bột gồm: Hạt cà phê, hạt đậu nành, phụ gia thực phẩm, caramen, mắ, muối, bột ca cao, hương cà phê, bột kem... Sản phẩm sau khi đóng gói được chở đi giao cho khách hàng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Đến khoảng tháng 5/2023, thấy giá thành cà phê nguyên liệu tăng cao, mà không muốn tăng giá bán thành phẩm cà phê, để giữ khách hàng nên T đã nghĩ cách giảm bớt tỉ lệ nguyên liệu cà phê. Tuy biết làm vậy hàm lượng caffeine sẽ không đảm bảo chỉ số $\geq 1\%$ như công bố trên bao bì sản phẩm nhưng để giảm chi phí đầu vào, vẫn giữ được mối và giá bán với khách hàng, Hoàng T đã giảm bớt tỉ lệ nguyên liệu cà phê trong quá trình sản xuất cà phê bột.

Ngày 30/6/2023, lực lượng cảnh sát môi trường Công an tỉnh Đắk Lắk phối hợp với Công an huyện Krông Năng tiến hành kiểm tra tại cơ sở sản xuất chế biến cà phê bột thành phẩm của Công ty do T làm giám đốc tại thôn E, xã E, phát hiện tạm giữ 167kg cà phê bột thành phẩm, gồm: 110 kg cà phê Đại Ngàn trộn sẵn cao cấp thượng hạng và 57 kg cà phê Đại Ngàn đặc biệt. Lực lượng chức năng đã lập biên bản tạm giữ, niêm phong lấy 02 mẫu cà phê bột thành phẩm (02kg) nhãn hiệu cà phê Đại Ngàn gửi Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên để kiểm nghiệm chỉ tiêu hàm lượng caffein, kết quả thể hiện: Cà phê Đại Ngàn trộn sẵn cao cấp thượng hạng có hàm lượng caffein chiếm 0,46% và cà phê Đại Ngàn đặc biệt có hàm lượng caffein chiếm 0,35%.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng đã tiến hành lấy 9 mẫu (4,5kg) trong số 167 kg cà phê bột thành phẩm thu giữ của Hoàng T; 04 mẫu (02kg) thu giữ tại bốn cửa hàng tạp hóa trung cầu Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng.

Tại bản kết luận giám định số 1877/KL-KTHS ngày 19/9/2023, kết luận đối với 09 mẫu chất rắn dạng bột màu nâu ký hiệu từ M1 đến M9 (của 167kg cà phê bột thành phẩm thu giữ của Hoàng T) như sau: Trong 09 mẫu chất rắn dạng bột màu nâu ký hiệu từ M1 đến M9 gửi giám định đều tìm thấy Caffeine; hàm lượng Caffeine như sau: Mẫu M1: hàm lượng: 0,265. Mẫu M2: hàm lượng: 0,201. Mẫu M3: hàm lượng: 0,260. Mẫu M4: hàm

lượng: 0,247. Mẫu M5: hàm lượng: 0,213. Mẫu M6: hàm lượng: 0,236. Mẫu M7: hàm lượng: 0,261. Mẫu M8: hàm lượng: 0,308. Mẫu M9: hàm lượng: 0,253. Hàm lượng Caffeine trong 09 mẫu ký hiệu từ M1 đến M9 gửi giám định đều không đạt chỉ tiêu hàm lượng Caffeine theo tiêu chuẩn TCVN 5251:2015 (Tiêu chuẩn quốc gia về cà phê bột, hàm lượng Caffeine tính theo % khối lượng không nhỏ hơn 1,0%) và bản tự công bố sản phẩm của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đại Ngân.

Tại bản kết luận giám định số 2564/KL-KTHS ngày 26/12/2023, kết luận đối với 04 mẫu chất rắn dạng bột màu nâu ký hiệu từ M1 đến M4 (của 6,5kg cà phê bột thành phẩm thu giữ tại 04 đại lý tạp hóa) như sau: Mẫu M1: hàm lượng: 0,44. Mẫu M2; hàm lượng: 0,49. Mẫu M3; hàm lượng: 0,52. Mẫu M4; hàm lượng: 0,46. Hàm lượng Caffeine trong 04 mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 gửi giám định đều không đạt chỉ tiêu hàm lượng Caffeine theo tiêu chuẩn TCVN 5251:2015 (Tiêu chuẩn quốc gia về cà phê bột, hàm lượng Caffeine tính theo % khối lượng không nhỏ hơn 1.0%) và bản tự công bố sản phẩm của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đại Ngân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 05/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Năng, kết luận: Tổng giá trị của số cà phê thu giữ là: 15.075.000đ.

Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 05/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng đã truy tố bị cáo Hoàng T về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm” theo khoản 1 Điều 193 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận và thừa nhận hành vi như nội dung cáo trạng đã công bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng giữ nguyên quyết định như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội cũng như nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 193 của BLHS để tuyên bố bị cáo Hoàng T phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm”. Áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS để xử phạt Hoàng T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS đề nghị: Tịch thu tiêu hủy số cà phê bột còn lại sau giám định có trọng lượng 165 kg là hàng giả. Tịch thu sung công 01 máy rang xay cà phê, 01 máy trộn, 02 máy tẩm ướp, 04 thùng ủ cà phê bột, 03 thùng ủ cà phê hạt, 01 máy đóng gói, 01 khay đựng cà phê, 08 kg hạt cà phê nhân, 17 kg hạt đậu nành, 01 kg hương cà phê, 03 kg bơ, 05kg caramel nước, 01kg Bột kem trà sữa trân châu, 02 kg bột Ca Cao, 01 kg muối I ốt, 02 kg đường trắng là phương tiện và nguyên liệu để sản xuất cà phê giả.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số cà phê thu giữ tại 4 đại lý, bà Lương Thị Mỹ T, ông Đỗ Hải Th, ông Mai X và ông Nguyễn Văn Ph không có ý kiến gì đối với Công ty TNHH cà phê Đại Ngân và không yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo Hoàng T không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo xin được xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cũng như cho bị cáo cơ cơ hội được hòa nhập cộng đồng xã hội. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng và Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo chỉ vì nhằm mục đích kiếm lời, tăng lợi nhuận nên khoảng đầu tháng 5 năm 2023, Hoàng T đã có hành vi sản xuất, buôn bán 173,5 kg cà phê bột không đủ hàm lượng Caffeine theo tiêu chuẩn tự công bố sản phẩm và tiêu chuẩn TCVN 5251:2015. Trong đó số lượng hàng giả bị phát hiện, thu giữ là 173,5 kg cà phê bột giả trị giá 15.075.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Hoàng T phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm” theo khoản 1 Điều 193 của BLHS.

Điều 193 của BLHS quy định:

“1. Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả là ..., thực phẩm, ..., thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

2...”

[4] Bị cáo Hoàng T là công dân đã trưởng thành, đầy đủ năng lực để điều khiển hành vi cũng như nhận thức được rằng việc sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm thì vi phạm pháp luật nhưng do ý thức coi thường pháp luật, nhằm mục đích thu lợi bất chính nên bị cáo đã dùng chất phụ gia là bột đậu nành kết hợp các phụ phẩm khác rồi chế biến, trộn lẫn vào cà phê bột để sản xuất thành phẩm số lượng 173,5 kg cà phê bột không đảm bảo hàm lượng caffeine đạt chuẩn theo yêu cầu là ≥ 1 (không nhỏ hơn 1,0%) rồi mang đi tiêu thụ. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm vào trật tự quản lý kinh tế, làm mất sự ổn định của thị trường hàng hóa.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo thì thấy: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Hoàng T có nhân thân tốt, là công dân chấp hành tốt các chính sách tại địa phương, tích cực hưởng ứng, đóng góp các phong trào, hoạt động của địa phương nơi cư trú. Xuất thân là gia đình có công, có truyền thống với cách mạng có ông ngoại là liệt sỹ, bố đẻ từng tham gia chiến dịch, phục vụ kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS,

cần vận dụng cho bị cáo nhằm thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[6] Xét tính chất, mức độ của hành vi cũng như nhân thân và các tình tiết như trên, nghĩ không cần thiết phải cách ly mà cần giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú để giám sát, giáo dục.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Số cà phê thu giữ tại 4 đại lý, của bà Lương Thị Mỹ T, ông Đỗ Hải Th, ông Mai X và ông Nguyễn Văn Ph thì không có ý kiến gì đối với Công ty TNHH cà phê Đại Ngàn và không yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên không đặt ra để xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS. Số cà phê bột còn lại sau giám định có trọng lượng 165kg là hàng giả, cần tịch thu tiêu hủy.

01 máy rang xay cà phê, 01 máy trộn, 02 máy tằm ướp, 04 thùng ủ cà phê bột, 03 thùng ủ cà phê hạt, 01 máy đóng gói, 01 khay đựng cà phê, 08 kg hạt cà phê nhân, 17 kg hạt đậu nành, 01 kg hương cà phê, 03 kg bơ, 05kg caramel nước, 01kg Bột kem trà sữa trân châu, 02 kg bột Ca Cao, 01 kg muối I ốt, 02 kg đường trắng là phương tiện và nguyên liệu để sản xuất cà phê giả, cần tịch thu sung công quỹ.

[9] Hành vi mua bán số cà phê thành phẩm của bà Lương Thị Mỹ T, ông Đỗ Hải Th, ông Mai X, ông Nguyễn Văn Ph. Quá trình điều tra xác định những người này không biết Tư chào bán cà phê thành phẩm là hàng giả, quá trình buôn bán không trao đổi thỏa thuận gì nhằm mục đích chia lợi nhuận từ cà phê thành phẩm thu được nên không xử lý hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[10] Đối với bà Lê Thị Thanh S, bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Ngọc Th, quá trình điều tra xác định những người này chỉ thực hiện theo yêu cầu và không biết việc Hoàng T bớt số lượng cà phê để sản xuất cà phê giả nên Cơ quan điều tra không xử lý hành vi của những người này là đúng quy định của pháp luật.

[11] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo Hoàng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng T phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm”.

Áp dụng khoản 1 Điều 193; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng T 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng T cho Ủy ban nhân dân xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk cùng gia đình bị cáo phối hợp giám sát bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật thi hành án hình

sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy số cà phê bột còn lại sau giám định có trọng lượng 165 kg là hàng giả.

Tịch thu sung công quỹ 01 máy rang xay cà phê, 01 máy trộn, 02 máy tầm ướp, 04 thùng ủ cà phê bột, 03 thùng ủ cà phê hạt, 01 máy đóng gói, 01 khay đựng cà phê, 08 kg hạt cà phê nhân, 17 kg hạt đậu nành, 01 kg hương cà phê, 03 kg bơ, 05kg caramel nước, 01kg Bột kem trà sữa trân châu, 02 kg bột Ca Cao, 01 kg muối I ốt, 02 kg đường trắng là phương tiện và nguyên liệu để sản xuất cà phê giả.

(Có đặc điểm như Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 06 và 07/02/2024 giữa Công an huyện Krông Năng với Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Hoàng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Bị cáo, người liên quan, . . . ;
- Lưu HSVA, VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

TRẦN CẢNH TOÀN